TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N TỈNH N

Bản án số: 04/2018/HNGĐ - ST
Ngày 04 - 01 - 2018
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng
2. Bà Nguyễn Thị Huê

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2017/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017. Về tranh chấp xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2017/QĐXX - ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Đào Văn T - Sinh năm 1983
Địa chỉ: Xóm 3 xã Nghĩa P huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Chị Đỗ Thị O - Sinh năm 1991
ĐKHKTT tại: Xóm 3 xã Nghĩa P, huyện N, tỉnh N.
Tạm trú: Làng Văng xã Ia B, huyện Ch, tỉnh G

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 25/8/2017 cũng như lời khai của anh Đào Văn T trong quá trình giải quyết trình bày: Anh kết hôn với chị Đỗ Thị O vào tháng 12/2009 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Phú. Sau khi

kết hôn anh và chị O chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh và chị O luôn bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Đến tháng 5/2012 thì chị O dẫn con nhỏ vào chỗ bố mẹ đẻ chị làm kinh tế ở làng Văng xã Ia băng, huyện Chư Prông tỉnh Gia Lai. Đã nhiều lần anh đã tìm gọi nhưng chị O không trở về đoàn tụ cùng anh và cũng từ đó đến nay anh và chị O sống ly thân nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị O không còn nên anh xin được ly hôn chị Đỗ Thị O. Về con chung giữa anh và chị Đỗ Thị O có một con chung là cháu Đào Duy Tiên sinh ngày 21/9/2010, hiện đang do chị O nuôi dưỡng. Nay anh xin được trực tiếp nuôi cháu T và không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nếu chị O nhận trực tiếp nuôi cháu T anh cũng nhất trí và anh lao động tự do thu nhập thấp nên anh xin cấp dưỡng nuôi cháu T cùng chị O mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 01/2018 đến khi cháu T trưởng thành tự lập được. Về tài sản chung giữa anh và chị O không có nên anh không yêu cầu giải quyết về tài sản. Về án phí anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay chị Đỗ Thị O vắng mặt nhưng chị O có lời khai trình bày đúng như lời khai của anh Đào Văn T về việc kết hôn giữa chị và anh T. Quá trình vợ chồng chị chung sống thời gian đầu bình thường nhưng sau đó có con nhỏ hay ốm đau phải đi điều trị và chị phải về trông coi nhà cho bố mẹ đẻ ở xã N thì bố mẹ anh T chửi bới, đánh đuổi chị nên chị phải dẫn con vào làm kinh tế cùng bố mẹ chị ở làng Văng xã Ia Băng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai từ năm 2012. Từ đó đến nay chị và anh T sống ly thân nhau và hai bên không quan tâm gì đến nhau. Nay anh T xin ly hôn chị thì chị xác định vợ chồng sống ly thân đã nhiều năm nay không còn tình cảm với nhau nên chị nhất trí ly hôn anh Đào Văn T. Về con chung giữa chị và anh Đào Văn T có một con chung là Đào Duy Tiên sinh ngày 21/9/2010, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Nay chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 11/2017 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự lập được. Về tài sản chung giữa chị và anh T không có tài sản chung, chị không yêu cầu giải quyết về tài sản. Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do điều kiện công việc bận nên chị đề nghị xét xử vắng mặt chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng

xét xử căn cứ Điều 55; 81; 82; 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016: xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đào Văn T và chị Đỗ Thị O. Về con chung: giao cháu Đào Duy T sinh ngày 21/9/2010 cho chị Đỗ Thị O trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh Đào Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị O mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu T trưởng thành lao động tự lập được. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đào Văn T và chị Đỗ Thị O đều có hộ khẩu thường trú tại xã N huyện N, anh T xin ly hôn chị O và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Phía chị Đỗ Thị O vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị Oang có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị O là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Đào Văn T và chị Đỗ Thị O được tổ chức vào tháng 12/2009 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, T bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh T và chị O chung sống hạnh phúc đến năm 2011, sau đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chính là do hai bên không hợp tính nhau. Từ tháng 5/2012 đến nay anh T và chị O đã sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay anh T xin ly hôn chị O, phía chị O cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Đào Văn T và chị Đỗ Thị O có một con chung là cháu Đào Duy T sinh ngày 21/9/2010, hiện đang do chị O nuôi dưỡng. Nay chị O có nguyện vọng xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và phía anh T cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc chị O yêu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 11/2017 là cao đối với thu nhập của anh T là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Thấy đề nghị của anh T

xin tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị O mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ thời điểm giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Anh Đào Văn T và chị Đỗ Thị O đều thống nhất xác định anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm Anh Đào Văn T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đào Văn T và chị Đỗ Thị O.

2- Về con chung: Giao cháu Đào Duy T sinh ngày 21/9/2010 cho chị Đỗ Thị O trực tiếp nuôi dưỡng (chị Đỗ Thị O đang quản lý nuôi dưỡng cháu Đào Duy T). Buộc anh Đào Văn T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Đỗ Thị O đối với cháu Đào Duy T mỗi tháng là 1.500.000 đồng, kể từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu Đào Duy T trưởng thành lao động tự lập được. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm anh Đào Văn T phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Đào Văn T đã nộp 300.00 đồng theo biên lai số: BB/2012/06031 ngày 04/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh Đào Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Đào Văn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh T, vắng mặt chị O. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng